

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 74/2025/HS-ST

Ngày: 31 – 3 – 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm
2. Bà Nguyễn Kim Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 69/2025/TLST - HS ngày 17 tháng 3 năm 2025, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2025/QĐXXST - HS ngày 20 tháng 3 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Trần Văn B; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1992, tại tỉnh Nam Định; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 8, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số nhà 43 đường DC7, khu phố 4, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M, sinh năm: 1961 và bà Mai Thị H, sinh năm: 1961; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 24/11/2011 Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát (nay là thành phố Bến Cát) xử phạt 12 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo bản án số 210/2011/HSST ngày 24/11/2011. Ngày 03/01/2024, bị bắt phạm tội quả tang, tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ công an thị xã Bến Cát cho đến nay (nay là Phân trại tạm giam khu vực thành phố Bến Cát); có mặt

2. Nguyễn Văn T, tên gọi khác: Không; sinh năm: 1991, tại tỉnh Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 7, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc;

nơi cư trú: Thôn 7, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1960 và bà Đỗ Thị T, sinh năm: 1964; vợ Đào Thị T, sinh năm: 1999 (đã ly hôn); con Nguyễn Hoàng D, sinh năm: 2020; tiền án, tiền sự: Không; ngày 04/01/2024, bị bắt trong trường hợp khẩn cấp và được trả tự do cùng ngày. Ngày 25/12/2024 bị bắt tạm giam, giam tại Nhà tạm giữ công an thị xã Bến Cát cho đến nay (nay là Phân trại tạm giam khu vực thành phố Bến Cát); có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn B và Nguyễn Văn T là bạn bè và đều là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy. Nguồn ma túy có được là do B mua của đối tượng tên Ty (chưa rõ nhân thân) ở khu vực cầu trên đường NA7, khu phố 7, phường Chánh Phú Hòa, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 03/01/2024, T sử dụng ứng dụng Zalo có tên tài khoản là “G” gọi cho B qua ứng dụng Zalo có tên tài khoản “b” để nhờ B mua giúp 200.000 đồng ma túy đá thì B đồng ý. Do trong tài khoản Momo của T không còn đủ tiền chuyển cho B nên thỏa thuận B giao ma túy thì T sẽ trả bằng tiền mặt.

Khoảng 16 giờ 15 phút cùng ngày, B điện thoại cho Ty hỏi mua 500.000 đồng ma túy đá thì Ty đồng ý, hẹn đến khu vực cầu trên đường NA7, khu phố 7, phường C, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương để giao nhận. Sau đó, B điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 67F1 – 098.54 đến địa điểm hẹn gặp và mua được 01 (một) túi nylon miệng kéo dính chứa ma túy được bọc bên ngoài một túi nylon. Sau đó B cất giấu túi nylon có chứa ma túy đi về gần Công ty Cắm CP thuộc khu công nghiệp Mỹ Phước 2 thì dừng lại lấy túi nylon có chứa ma túy và phân chia thành hai túi nylon miệng kéo dính, một túi nhỏ và một túi lớn và cất vào quần lót B đang mặc tiếp tục điều khiển xe moto Yamaha Sirius, biển số 67F1 – 098.54 đến trước căn kiot nhà trọ không tên dự định để giao cho T túi nylon miệng kéo dính nhỏ thì bị bắt quả tang. Thu giữ trong quần lót mà B đang mặc 01 túi nylon miệng kéo dính chứa tinh thể màu trắng (ký hiệu: M1); 01 túi nylon miệng kéo dính chứa tinh thể màu trắng (ký hiệu: M2).

Kết luận giám định số: 319/KL – KTHS ngày 10/01/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Mẫu tinh thể (bị thu giữ trên người của Trần Văn Bình) gửi giám định là ma túy, có khối lượng lần lượt: M1 = 0,5545gam Methamphetamine; M2 = 0,2119gam Methamphetamine; mẫu vật sau giám định là M1 = 0,4321gam Methamphetamine; M2 = 0,1503gam Methamphetamine;

Quá trình điều tra các bị cáo không có ý kiến gì đối với Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Dương và thừa nhận toàn bộ hành vi tàng trữ ma túy như biên bản bắt quả tang đã thể hiện.

Tại Bản Cáo trạng số 89/CT – VKSBC ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Trần Văn B, Nguyễn Văn T, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Bị cáo Trần Văn B mức án từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Bị cáo Nguyễn Văn T mức án từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng số 89/CT – VKSBC ngày 17 tháng 3 năm 2025 đã truy tố, không tranh luận đối với tội danh, hình phạt Viện Kiểm sát đề nghị.

* Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo (Trần Văn B, Nguyễn Văn T) đã rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo sớm trở về với gia đình, làm lại cuộc sống.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Bến Cát, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đồng thời, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Văn B, Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét thấy, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận:

[2.1] Vào khoảng 16 giờ 40 phút, ngày 03/01/2024 tại trước hiên Kiot nhà trọ không tên cạnh đường NB14, thuộc khu phố 3, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương (nay là thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương), lực lượng công an kiểm tra phát hiện Trần Văn B đang có hành vi tàng trữ trái phép 02 (hai) túi ma

túy loại Methamphetamine có tổng khối lượng 0,7664gam trong người. Trong đó, túi ma túy có khối lượng 0,5545gam là của B, túi ma túy còn lại có khối lượng 0,2119gam là của Nguyễn Văn T nhờ B mua giúp. Mục đích B và T tàng trữ khối lượng ma túy trên nhằm sử dụng.

[2.2] Hành vi của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, vi phạm quy định về chế độ quản lý các chất ma túy của Nhà nước. Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm, thấy trước được tác hại của hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng vẫn thực hiện. Bị cáo T phải chịu trách nhiệm đối với khối lượng ma túy nhờ B mua giúp là 0,2119gam Methamphetamine. B phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ khối lượng ma túy bị thu giữ trên người là 0,7664gam Methamphetamine. Các bị cáo tàng trữ ma túy nhằm mục đích sử dụng. Do đó đủ cơ sở để kết luận hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Cáo trạng số 89/CT-VKSBC ngày 17/3/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi các bị cáo thực hiện: Các bị cáo phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn, T có vai trò là người khởi xướng, B trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi các bị cáo thực hiện làm ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng của chính bản thân các bị cáo đồng thời còn là nguyên nhân của các loại tội phạm khác, đe dọa nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội. Hành vi của bị cáo đã đi ngược lại với mọi hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật, với chủ trương, chính sách của Nhà nước về ngăn chặn, đẩy lùi, xoá bỏ tệ nạn ma túy trong nhân dân. Vì vậy cần phải có một mức hình phạt tương xứng với hành vi các bị cáo gây ra nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo chấp hành nghiêm pháp luật và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Xét về nhân thân: Các bị cáo đều là đối tượng nghiện ma túy; bị cáo Bình có nhân thân xấu, không có nghề nghiệp ổn định. Đây là những đặc điểm mà Hội đồng xét xử cần xem xét, đánh giá để có một hình phạt đúng quy định.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo T có ông nội là người có công với cách mạng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về vật chứng: 02 túi nylon có chứa ma túy khối lượng còn lại sau giám định $M1 = 0,4321\text{gam}$ Methamphetamine; $M2 = 0,1503\text{gam}$

Methamphetamine cần tịch thu tiêu hủy; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu xám đen đã qua sử dụng là phương tiện B dùng liên lạc để mua ma túy nên cần tịch thu Sung quỹ Nhà nước, theo quy định tại các Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số kiểm soát 67F1 – 098.54, số khung RLCS5C641DY042611, số máy 5C641042611 là tài sản hợp pháp của anh Trần Trung K, bị cáo B dùng làm phương tiện đi mua ma túy nhưng anh K không biết nên cơ quan Cảnh sát điều tra đã trao trả cho anh K là đúng quy định.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát về tội danh, hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử lý vật chứng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn B phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Trần Văn B 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03 tháng 01 năm 2024.

2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25 tháng 12 năm 2024. Được trừ thời gian tạm giữ 01 (một) ngày là ngày 04/01/2024.

3. Áp dụng các Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy khối lượng ma túy còn lại sau giám định, gồm:

- 01 bì thư niêm phong ghi số 319/PC09-M1 và 319/PC09-M2 có chữ ký của Trần Văn B (người chứng kiến), chữ ký của Nguyễn Hoàng Nam (cán bộ trả

mẫu), chữ ký Đinh Công Tuấn (cán bộ nhận mẫu) và hình dấu đỏ niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương;

- 01 bì thư niêm phong ghi 319/PC09-M2 có chữ ký của Trần Văn B, Nguyễn Văn T (người chứng kiến), chữ ký của Nguyễn Hoàng Nam (cán bộ trả mẫu), chữ ký Đinh Công Tuấn (cán bộ nhận mẫu) và hình dấu đỏ niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương;

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu xám (máy bị trầy xước, không kiểm tra được Model, số IMEI, tại thời điểm giao nhận máy không khởi động được); 01 điện thoại di động hiệu Samsung J730G, màu vàng (máy bị trầy xước, không kiểm tra được Model, số IMEI356446/08/579642/8, tại thời điểm giao nhận máy không khởi động được).

(Vật chứng hiện đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28/3/2025 giữa Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Cát).

4. Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Trần Văn B, Nguyễn Văn T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Các bị cáo Trần Văn B, Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND T. Bình Dương;
- VKSND T. Bình Dương;
- VKSNDTp. Bến Cát;
- P. Hồ sơ nghiệp vụ CAT. Bình Dương;
- Chi cục THADSTp. Bến Cát;
- Bị cáo;
- Lưu H.s; AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Nga